

Bản án số: 90/2024/DS-ST
Ngày: 12-9-2024
V/v “Tranh chấp hợp đồng tín dụng”

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NĂM CĂN, TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đinh Thị Thùy Linh.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Võ Kiều Phương.

Ông Phạm Hoàng Hân.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Ngọc Tú Hương là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Năm Căn, tỉnh Cà Mau.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Năm Căn, tỉnh Cà Mau tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Mỹ – Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 9 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Năm Căn, tỉnh Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 73/2024/TLST-DS ngày 29 tháng 3 năm 2024 về “Tranh chấp hợp đồng tín dụng” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 97/2024/QĐXXST-DS ngày 17 tháng 7 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 269/2024/QĐ-ST ngày 15 tháng 8 năm 2024, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ngân hàng TMCP Phát triển Thành phố H, (viết tắt Ngân hàng).

Trụ sở: 25 Bis N, phường B, quận A, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Bà Nguyễn Ngọc N, chức vụ: Chuyên viên quan hệ KHCN – Ngân hàng TMCP Phát triển Thành phố H (có mặt).

Địa chỉ: Số B, đường H, khóm G, thị trấn N, huyện N, tỉnh Cà Mau.

Bị đơn: Ông Hồ Văn H, sinh năm 1978 (vắng).

Địa chỉ cư trú: Khóm E, thị trấn N, huyện N, tỉnh Cà Mau.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Quá trình giải quyết vụ án người đại diện ủy quyền cho nguyên đơn trình bày yêu cầu:

Ngày 25/7/2023, ông H ký hợp đồng tín dụng số 18875/23MN/HĐTD vay Ngân hàng 950.000.000 đồng, thời hạn vay 60 tháng (ngày đến hạn trả 25/7/2028),

lãi suất 13,2%/năm. Mục đích vay vốn theo từng khế ước nhận nợ. Lãi suất theo từng khế ước nhận nợ. Tài sản đảm bảo cho khoản vay theo Hợp đồng tín dụng là quyền sử dụng đất diện tích 20.071,8m² thửa đất số 96, tờ bản đồ số 37, tọa lạc **khóm E, thị trấn N, huyện N, tỉnh Cà Mau** theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CP 232736, số vào sổ cấp GCN CH02469 do **Ủy ban nhân dân huyện N** cấp ngày 11/10/2019.

Tính đến thời điểm hiện tại, Ngân hàng đã nhiều lần đôn đốc nhắc nợ nhưng ông **H** không thực hiện nghĩa vụ thanh toán nợ cho Ngân hàng dẫn đến vi phạm nghĩa vụ thanh toán theo điều khoản về nghĩa vụ trả nợ của các Hợp đồng tín dụng đã ký với Ngân hàng.

Nay Ngân hàng khởi kiện yêu cầu ông **H** phải thanh toán một lần toàn bộ số tiền tính đến ngày 12/9/2024 là 1.001.097.195 đồng (trong đó, gốc: 950.000.000 đồng, lãi trong hạn: 27.654.590 đồng, lãi quá hạn: 23.442.605 đồng), lãi phát sinh và xử lý tài sản đảm bảo trong trường hợp ông **H** không thanh toán nợ để thu hồi nợ.

*Đối với ông **Hồ Văn H** đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng không có ý kiến về nội dung, yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng.*

** Tại phiên tòa:*

- Kiểm sát viên phát biểu quan điểm về vụ án:

+ Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký và các đương sự đã chấp hành đúng theo quy định pháp luật nên không có kiến nghị.

+ Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng, buộc ông **H** thanh toán tổng số tiền tính đến ngày 12/9/2024 là 1.001.097.195 đồng (trong đó, gốc: 950.000.000 đồng, lãi trong hạn: 27.654.590 đồng, lãi quá hạn: 23.442.605 đồng), lãi phát sinh và xử lý tài sản đảm bảo trong trường hợp ông **H** không thanh toán nợ để thu hồi nợ. Chi phí tố tụng và án phí bị đơn chịu theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: **Ngân hàng TMCP Phát triển Thành phố H** khởi kiện yêu cầu ông **Hồ Văn H** trả tiền vốn, lãi theo hợp đồng tín dụng là vụ kiện tranh chấp hợp đồng tín dụng, do đó thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm b khoản 1 Điều 35 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về tố tụng: Bà Nguyễn đại diện Ngân hàng có đơn xin vắng mặt, ông H đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần 2 nhưng vắng mặt tại phiên tòa. Căn cứ Điều 227 và 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt bà N và ông H.

[3] Xét yêu cầu khởi kiện, Hội đồng xét xử nhận thấy ông H có ký kết hợp đồng tín dụng với Ngân hàng để vay tiền. Đồng thời, ông H có ký kết hợp đồng thế chấp tài sản đối với quyền sử dụng đất diện tích 20.071,8m² thửa đất số 96, tờ bản đồ số 37, tọa lạc **khóm E, thị trấn N, huyện N, tỉnh Cà Mau** theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CP 232736, số vào sổ cấp GCN CH02469 do Ủy ban nhân dân huyện N cấp ngày 11/10/2019 để đảm bảo cho khoản vay với Ngân hàng là thực tế có xảy ra.

[4] Hợp đồng giữa các bên ký kết là hợp pháp cả về lãi suất trong hạn, lãi suất quá hạn và lãi suất chậm trả, vì theo quy định tại khoản 2 Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010 quy định “Tổ chức tín dụng và khách hàng có quyền thỏa thuận về lãi suất, phí cấp tín dụng trong hoạt động ngân hàng của tổ chức tín dụng theo quy định của pháp luật”. Do vậy việc thỏa thuận giữa Ngân hàng và ông H về mức lãi suất nêu trên là hoàn toàn tự nguyện, phù hợp với quy định pháp luật. Tính đến ngày xét xử ngày 12/9/2024 ông H còn nợ Ngân hàng theo hợp đồng tín dụng số tiền vốn: 950.000.000 đồng, lãi trong hạn: 27.654.590 đồng, lãi quá hạn: 23.442.605 đồng, tổng cộng là 1.001.097.195 đồng. Như vậy, ông H không thực hiện đúng nghĩa vụ trả nợ theo thỏa thuận tại hợp đồng tín dụng đã làm thiệt hại đến quyền lợi của ngân hàng, vi phạm hợp đồng tín dụng đã ký kết. Do đó, yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng là có căn cứ nên được chấp nhận.

[5] Ông H mặc dù đã biết được nội dung khởi kiện của Ngân hàng nhưng không phản đối; chứng tỏ bị đơn đã từ bỏ quyền của mình và thừa nhận nội dung khởi kiện của nguyên đơn. Theo quy định tại Điều 91 Bộ luật Tố tụng dân sự quy định: “*Đương sự phản đối yêu cầu của người khác đối với mình phải thể hiện bằng văn bản và phải thu thập, cung cấp, giao nộp cho Tòa án tài liệu, chứng cứ để chứng minh cho sự phản đối đó*” và “*Đương sự có nghĩa vụ đưa ra chứng cứ để chứng minh mà không đưa ra được chứng cứ hoặc không đưa ra đủ chứng cứ thì Tòa án giải quyết vụ việc dân sự theo những chứng cứ đã thu thập được có trong hồ sơ vụ việc*”.

Từ những lẽ trên, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng, buộc ông H thanh toán nợ gốc và lãi tổng số tiền là 1.001.097.195 đồng (trong đó, gốc: 950.000.000 đồng, lãi trong hạn: 27.654.590 đồng, lãi quá hạn: 23.442.605 đồng).

[6] Xét yêu cầu của Ngân hàng về việc điều chỉnh lãi suất trong hợp đồng tín dụng kê từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm là phù hợp với nội dung của Án lệ số 08/2016/AL nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[7] Xét yêu cầu của Ngân hàng về việc thanh lý tài sản đảm bảo trong trường hợp ông H không thực hiện đầy đủ nghĩa vụ trả nợ thấy rằng, theo khoản 2 Điều 95 của Luật các tổ chức tín dụng quy định “Trong trường hợp khách hàng không trả được nợ đến hạn, nếu các bên không có thỏa thuận khác thì tổ chức tín dụng có quyền xử lý nợ, tài sản đảm bảo tiền vay theo hợp đồng tín dụng, hợp đồng đảm bảo và quy định của pháp luật”. Do đó, yêu cầu của Ngân hàng là có căn cứ nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[8] Ý kiến của Kiểm sát viên về việc giải quyết vụ án là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận toàn bộ.

[9] Về án phí và chi phí tố tụng: Ông H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm và chi phí tố tụng theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 147, 227, 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 463, 466, 468 Bộ luật Dân sự; khoản 2 Điều 91, khoản 2 Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010; Án lệ số 08/2016/AL của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao thông qua ngày 10/7/2016; Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP Phát triển Thành phố H đối với ông Hồ Văn H.

Buộc ông Hồ Văn H có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng TMCP Phát triển Thành phố H số tiền là 1.001.097.195 đồng (một tỷ không trăm lẻ một triệu không trăm chín mươi bảy ngàn một trăm chín mươi lăm đồng).

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm, khách hàng còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

Trong trường hợp ông **Hồ Văn H** không trả nợ hoặc không trả đủ số tiền còn nợ của Hợp đồng tín dụng, thì **Ngân hàng TMCP Phát triển Thành phố H** có quyền yêu cầu Cơ quan thi hành án dân sự xử lý tài sản bảo đảm theo quy định của pháp luật là quyền sử dụng đất diện tích 20.071,8m² thửa đất số 96, tờ bản đồ số 37, tọa lạc **khóm E, thị trấn N, huyện N, tỉnh Cà Mau** theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CP 232736, số vào sổ cấp GCN CH02469 do **Ủy ban nhân dân huyện N** cấp ngày 11/10/2019 để thu hồi nợ.

Trường hợp ông **Hồ Văn H** trả nợ đầy đủ cho Ngân hàng mà không phải xử lý tài sản thế chấp thì Ngân hàng có trách nhiệm trả lại cho ông **H** giấy chứng nhận quyền sử dụng đất bản gốc nêu trên.

- Về án phí:

Ngân hàng TMCP Phát triển Thành phố H không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả lại cho Ngân hàng 20.430.000 đồng tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp theo biên lai số 0013954 ngày 29/3/2024 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Năm Căn.

Ông **Hồ Văn H** chịu án phí dân sự sơ thẩm số tiền 42.032.916 đồng.

Về chi phí tố tụng: Ông **H** phải chịu chi phí xem xét thẩm định tại chỗ là 500.000 đồng. Buộc ông **H** có nghĩa vụ trả cho **Ngân hàng TMCP Phát triển Thành phố H** 500.000 đồng.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

- Quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- Các đương sự.
- VKSND huyện Năm Căn;
- Chi cục THADS huyện Năm Căn;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đinh Thị Thùy Linh